TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN VĂN BÀN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST-DS	*Văn Bàn,* ngày 28 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lựa.

Các hội thẩm Nh dân: 1, Bà Vi Thị Loan.

2, Bà Vũ Thị Hồng Hải.

Căn cứ Điều 212; Điều 213; Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST- DS ngày 05/01/2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTh V (VPBank).

Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật**:** Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ – HĐQT ngày 07/07/2020 của ông Ngô Chí D. Địa chỉ làm việc của người đại diện theo ủy quyền: Tầng 7, Tòa nhà Việt Hải, số 78 Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Chiến V - Chức vụ: CH viên xử lý nợ. Địa chỉ : Số 2269 Đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: + A Hoàng Văn Nh, sinh năm 1996.

+ Chị Chu Thị H, sinh năm 2001.

Đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ch 2, xã VL, huyện V B, tỉnh LC.

Người đại điện theo ủy quyền của bị đơn là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Luổng Láo 2, xã Cốc San, Bát Xát, Lào Cai (nay địa chỉ thay đổi thành thôn L L 2, xã CS thành phố L C, tỉnh LC).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Địa chỉ: thôn L L 2, xã CS, B X, tỉnh LC(nay địa chỉ thay đổi thành thôn Luổng Láo 2, xã Cốc San thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận: A Hoàng Văn Nh và chị Chu Thị H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP VNTh V (VPBank).số tiền gốc là 2.760.629.947 đồng (hai tỷ,

bẩy trăm sáu mươi triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi bẩy đồng); tiền lãi trong hạn là 21.271.569 đồng (hai mươi một triệu, hai trăm bẩy mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi chín đồng) và số tiền lãi quá hạn phát sinh/tiền gốc tính đến hết ngày 28/6/2023 là 891.335.766 đồng (*tám trăm chín mươi một triệu, ba trăm ba mươi năm nghìn, bẩy trăm sáu mươi sáu đồng*). Tổng cộng là 3.673.237.282đ (*ba tỷ, sáu trăm bẩy mươi ba triệu, hai trăm ba mươi bẩy nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng*), của:

Hợp đồng tín dụng số LN2103223512539 (Mã hợp đồng LD2111202010) ngày 15/04/2021. Số tiền gốc còn nợ là 2.411.712.920 đồng và số tiền lãi phát sinh/tiền gốc trong hạn tính đến hết ngày 28/6/2023 là 17.930.213 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 693.790.340 đồng. Tổng cộng là: 3.123.433.473 đồng (*ba tỷ, một trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bẩy mươi ba đồng)*

Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010241/202107 (Mã hợp đồng LD2119600411) ngày 07/07/2021. Số tiền gốc còn nợ là 197.558.455 đồng và số tiền lãi phát sinh/tiền gốc trong hạn tính đến hết ngày 28/6/2023 là 3.341.356 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 110.900.146 đồng. Tổng cộng là: 311.799.957 đồng (*ba trăm mười một triệu, bẩy trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm năm mươi bẩy đồng*).

Thẻ tín dụng mã 379-P-7986810 ngày 17/3/2021. Số tiền gốc còn nợ là 95,868,017 đồng và số tiền lãi quá hạn phát sinh/tiền gốc tính đến hết ngày 28/6/2023 là 86.645.280 đồng. Tổng cộng là: 182.513.297 đồng (*một trăm tám mươi hai triệu, năm trăm mười ba nghìn, hai trăm chín mươi bẩy đồng*).

Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ. (Mã Hợp đồng LD2126503309) ngày 22/09/2021 . Số tiền vay theo chương trình cơ cấu nợ với số tiền là 55,490,555 đồng (*Năm mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thA toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thA toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

*Về xử lý tài sản thế chấp***:** Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận: Trường hợp A Hoàng Văn Nh và chị Chu Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP VNTh V (VPBank).có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của A Hoàng Văn Nh và chị Chu Thị H để thu hồi nợ gồm: Hai bất động sản và tài sản gắn liền với đất đó là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số Sơ đồ 02 năm 2007. H thức sử dụng : Sử dụng riêng 130,0 m2, sử dụng chung: không m2. Mục đích sử dụng : Đất ở tại nông thôn (ONT). Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Nguồn gốc sử dụng: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là: Nhà ở. Diện tích xây dựng: 113,0m2. Diện tích sàn 465,9 m2. Kết cấu nhà: Tường gạch, khung, sàn bằng BTCT, mái lợp tôn liên doA. Cấp (hạng): Cấp III. Năm hoàn thành xây dựng: Năm 2013. Địa chỉ thửa đất và nhà ở: Thôn Luổng Láo 2, xã Cốc San, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay địa chỉ thửa đất thay đổi thành thôn Luổng Láo 2, xã Cốc San thành phố Lào Cai, tỉnh

Lào Cai) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 992629, số vào sổ cấp GCN-QSD đất CH-01827 do UBND huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai cấp ngày 19/06/2013. Ngày 26/05/2021, A Hoàng Văn Nh đã nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số LN2103223512539/LCA/HĐTC/02 ngày 27/05/2021 tại VPCC Lê Thu Hằng, tỉnh Lào Cai, số Công chứng 864 quyển số 03/2021.TP/CC-SCC/HĐGD.

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản là thửa đất số 1, tờ bản đồ số Mảnh trích đo địa chính số TĐ05-2018. Địa chỉ thửa đất : Thôn Luổng Láo 2, xã Cốc San, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay địa chỉ thửa đất thay đổi thành thôn Luổng Láo 2, xã Cốc san thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai). Diện tịch 142,5 m2 (Một trăm bốn mươi hai phẩy năm mét vuông). H thức sử dụng : Sử dụng riêng. Mục đích sử dụng : Đất ở nông thôn. Thời hạn sử dụng : Lâu dài. Nguồn gốc sử dụng : Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 825073, số vào sổ cấp GCN CH-02366 do UBND huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai cấp ngày 06/09/2018. Ngày 26/05/2021 tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai chuyển nhượng cho A Hoàng Văn Nh đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2103223512539/LCA/HĐTC/01 ngày 27/05/2021 tại VPCC Lê Thu Hằng, tỉnh Lào Cai, số Công chứng 868 quyển số 03/2021.TP/CC-SCC/HĐGD.

(Hiện trạng thửa đất và các tài sản gắn liền với đất như tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/4/2023).

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị H và người khác (nếu có) đang sinh sống tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số Sơ đồ 02 năm 2007 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số Mảnh trích đo địa chính số TĐ05-2018. Địa chỉ thửa đất và nhà ở: Thôn Luổng Láo 2, xã Cốc San, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay địa chỉ thửa đất thay đổi thành thôn Luổng Láo 2, xã Cốc San thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) phải di rời để bàn giao tài sản đã thế chấp cho cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: A Hoàng Văn Nh và chị Chu Thị H liên đới hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP VNTh V (VPBank).tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 6.168.000đ (*sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng*)

Về án phí dân sự sơ thẩm: A Hoàng Văn Nh và chị Chu Thị H phải liên đới chịu 105.464.745 đồng (*một trăm linh năm triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn năm đồn*g) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP VNTh V (VPBank).số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 37.201.000đ (*ba mươi bẩy triệu, hai trăm linh một nghìn đồng)* theo biên lai số 0004383 ngày 05/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Các đương sự (04)
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn(02).
- L-u HS vụ án (02),

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lựa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm Nh dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Mẫu số 39-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nh dân tối cao)

TÒA ÁN NH DÂN.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐST-..... (2)

...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NH DÂN……..

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà)……..

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà)……..

Các Hội thẩm Nh dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:…/../TLST-....(3) ngày…tháng… năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

……

……

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

……

……

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(6

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án Nh dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án Nh dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án Nh dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án Nh dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án Nh dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án Nh dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án Nh dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

ni theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh (1);
- VKSND H (2);
- Đương sự (2);
- THADS (1);
- Lưu.

Đỗ Thị Lựa

TÒA ÁN NH DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../...../QĐST-..... [2]	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NH DÂN……..

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà)……..

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà)……..

Các Hội thẩm Nh dân:

1. Ông (Bà).....….....

2. Ông (Bà).....….....….....

3. Ông (Bà).....….....….....

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:…/../TLST-....[3] ngày…tháng… năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:[4]

……..……..…….....

……..……..…….....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

……..……..…….....

……..……..…….....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(6)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án Nh dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án Nh dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án Nh dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án Nh dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án Nh dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án Nh dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án Nh dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- Lưu hồ sơ vụ án.	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*